

APPLYING MULTIPLE INTELLIGENCES THEORY IN TEACHING HISTORY AND GEOGRAPHY: A CASE STUDY OF CURRENT PRACTICES IN LOWER SECONDARY SCHOOLS IN AREA 1 OF HO CHI MINH CITY

Ha Van Thang¹, Phan Thuy Y Nhu^{*2},
Le Thanh Long³

* Corresponding author
Email: ynhu1329@gmail.com

¹ Email: thanghv@hcmue.edu.vn

^{1,2} Ho Chi Minh City University of Education
280 An Duong Vuong street, Cho Quan ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

³ Email: lethanhlong.hcm.edu@gmail.com
Department of Education and Training
of Ho Chi Minh City
66-68 Le Thanh Ton street, Saigon ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

Received: 05/5/2026

Revised: 15/6/2026

Accepted: 10/7/2026

Published: 20/8/2026

Abstract: Multiple Intelligences Theory plays a significant role in recognizing and fostering students' strengths and individual differences, thereby enhancing learning effectiveness in the context of educational reform. This study used survey and questionnaire methods to investigate teachers' current practices in applying the Multiple Intelligences Theory to the design and organization of learning activities in History and Geography at lower secondary schools in area 1 of Ho Chi Minh City. The findings indicate that most teachers hold positive perceptions regarding the significance and potential of applying Multiple Intelligences Theory in teaching. However, its implementation still faces several challenges, including instructional time constraints, extensive curriculum content, limited facilities and teaching resources, and teachers' capacity to design diverse learning activities. Based on the survey results, the study proposes several orientations to enhance the effective application of Multiple Intelligences Theory in History and Geography teaching, thereby contributing to the development of students' qualities and competencies while maximizing their learning strengths.

Keywords: *Theory of multiple intelligences, learning activities, active teaching, History and Geography subjects, lower secondary education.*

VẬN DỤNG THUYẾT ĐA TRÍ TUỆ TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ: NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hà Văn Thắng¹, Phan Thùy Ý Như^{*2},
Lê Thanh Long³

* Tác giả liên hệ
Email: ynhu1329@gmail.com

¹ Email: thanghv@hcmue.edu.vn

^{1,2} Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
280 An Duong Vuong, phường Chợ Quán,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

³ Email: lethanhlong.hcm.edu@gmail.com
Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Số 66 - 68 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhận bài: 05/5/2026

Chỉnh sửa xong: 15/6/2026

Chấp nhận đăng: 10/7/2026

Xuất bản: 20/8/2026

Tóm tắt: Thuyết đa trí tuệ có ý nghĩa trong việc phát huy thế mạnh và sự khác biệt của học sinh, góp phần nâng cao hiệu quả học tập trong bối cảnh đổi mới giáo dục. Bài báo sử dụng phương pháp điều tra, khảo sát nhằm đánh giá thực trạng vận dụng Thuyết đa trí tuệ của giáo viên trong thiết kế và tổ chức hoạt động học tập môn Lịch sử và Địa lí ở cấp Trung học cơ sở tại khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số giáo viên có nhận thức tích cực về ý nghĩa và tiềm năng của việc vận dụng Thuyết đa trí tuệ trong dạy học. Tuy nhiên, việc triển khai còn gặp một số khó khăn liên quan đến thời lượng dạy học, khối lượng kiến thức, điều kiện cơ sở vật chất, học liệu và năng lực thiết kế hoạt động học tập đa dạng. Trên cơ sở kết quả khảo sát, bài báo đề xuất một số định hướng nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng Thuyết đa trí tuệ trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí, góp phần phát triển phẩm chất, năng lực và phát huy thế mạnh học tập của học sinh.

Từ khóa: *Thuyết đa trí tuệ, hoạt động học tập, dạy học tích cực, môn Lịch sử và Địa lí, trung học cơ sở.*

1. Đặt vấn đề

Thuyết đa trí tuệ (Multiple Intelligences) của Howard Gardner (1983) lần đầu tiên xuất hiện trong tác phẩm *"Frames of Mind: A Theory of Multiple Intelligences"* cho rằng, mỗi cá nhân không chỉ có một dạng trí tuệ duy nhất mà sở hữu nhiều loại hình trí tuệ khác nhau như ngôn ngữ, toán học, không gian, âm nhạc, vận động cơ thể, tương tác xã hội, nội tâm và thiên nhiên, mỗi người đều có một hoặc nhiều loại trí tuệ khác nhau và cách mỗi người sử dụng trí tuệ để giải quyết những mục đích và các vấn đề trong mỗi trường hợp đều khác nhau (Gardner, 1983). Dựa trên nền tảng đó Thomas Armstrong (2011) đã nghiên cứu và phát triển mô hình *"Lớp học Đa trí tuệ"* nhấn mạnh việc tổ chức dạy học thông qua nhiều con đường trí tuệ khác nhau cho cùng một nội dung, giúp mỗi học sinh có cơ hội tiếp cận việc học bằng thể mạnh riêng của mình (Armstrong, 2011). Theo đó, vai trò của giáo viên không chỉ là dạy theo nhiều cách, mà là giúp học sinh khám phá và phát huy năng lực trí tuệ của chính mình, từ đó tăng cường động cơ và tự chủ trong học tập.

Trong xu thế đổi mới giáo dục hiện đại, chú trọng quan điểm lấy học sinh làm trung tâm, việc vận dụng Thuyết đa trí tuệ trong dạy học là yêu cầu cần thiết nhằm đề cao tính tích cực và tôn trọng sự khác biệt của người học. Tại Việt Nam, trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể xác định mục tiêu "phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của học sinh" (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a), trong đó nhấn mạnh các năng lực cốt lõi và Chương trình Giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí được xây dựng theo định hướng tích hợp nhấn mạnh phát triển các năng lực đặc thù nhằm khẳng định mục tiêu đổi mới nội dung, phương pháp và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực của học sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b). Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tìm kiếm, lựa chọn và vận dụng những lý thuyết, mô hình dạy học tích cực, hiện đại có khả năng phát huy tối đa mọi tiềm năng của học sinh.

Trên thế giới và Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu về việc vận dụng Thuyết đa trí tuệ trong quá trình giáo dục và dạy học. Chẳng hạn, trong nghiên cứu của Yalmanci & Gozum (2013) đã chỉ ra rằng, ứng dụng Thuyết đa trí tuệ trong giảng dạy đã chứng minh được sự tác động tích cực đến kết quả học tập và khả năng ghi nhớ kiến thức của học sinh ở nhiều môn học khác nhau. Thuyết đa trí tuệ của Gardner như một cơ sở nền tảng lý thuyết chủ đạo để cá nhân hóa và đa dạng hóa trong hoạt động dạy học, ngoài ra trí thông minh đa dạng của giáo viên có thể ảnh

hưởng đến việc thiết kế và thực hiện các hoạt động dạy và học (Dolati & Tahriri, 2017; Malapad và cộng sự, 2021). Theo Nguyễn Trung Thanh (2024), nếu từng loại hình trí tuệ được chú trọng và phát triển phù hợp sẽ trở thành nền tảng cho việc hình thành các năng lực cốt lõi ở học sinh.

Đặc biệt, khi tổ chức dạy học trong môn Địa lí dựa trên những tiếp cận Thuyết đa trí tuệ giúp học sinh tiếp nhận tri thức bằng năng lực, khả năng của bản thân và tự tin, chủ động trong quá trình học tập (Nguyễn Thị Thu Anh, 2017). Cụ thể, trong nghiên cứu của Lê Thị Dung và Nguyễn Thị Thế Bình (2025) nhấn mạnh vận dụng Thuyết đa trí tuệ trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí mang lại ưu thế nổi bật góp phần hình thành và triển các dạng năng lực trí tuệ cho học sinh. Vận dụng Thuyết đa trí tuệ vào quá trình dạy học có ý nghĩa quan trọng giúp giáo viên triển khai linh hoạt các phương pháp giảng dạy, khai thác hiệu quả nguồn học liệu cũng như thiết bị dạy học đa dạng (Hoàng Văn Trang, 2022). Trong môn Lịch sử và Địa lí, việc vận dụng Thuyết đa trí tuệ giúp học sinh nhận diện và phát huy được phong cách học tập thông qua liên kết kiến thức về thời gian, không gian và thực tiễn đây là cơ sở để giáo viên thiết kế các hoạt động học tập phù hợp với học sinh. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện có chưa đi sâu vào bối cảnh của các trường trung học cơ sở tại khu vực 1 của Thành phố Hồ Chí Minh, đây là địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trước khi sắp xếp lại đơn vị hành chính từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Khoảng trống thể hiện rõ ở việc còn thiếu các khảo sát thực trạng, khung lý thuyết và giải pháp phù hợp cho việc vận dụng Thuyết đa trí tuệ trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí. Bài báo đánh giá thực trạng tiếp cận Thuyết đa trí tuệ của giáo viên môn Lịch sử và Địa lí ở các trường trung học cơ sở tại khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời phân tích mối quan hệ giữa Thuyết đa trí tuệ với dạy học tích cực trong việc phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Qua đó, bài báo cung cấp cơ sở khoa học cho việc thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học đa dạng, tích cực, phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra khảo sát bằng bảng hỏi nhằm thu thập thông tin về thực trạng tiếp cận và vận dụng Thuyết đa trí tuệ của giáo viên trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí. Bảng hỏi được xây dựng trên cơ sở tổng hợp, phân tích các tài liệu về Thuyết đa trí tuệ, phương pháp dạy học tích cực, Chương trình Giáo dục phổ

thông tổng thể và Chương trình Giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí. Trong đó, sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo hỗ trợ thiết kế câu hỏi khảo sát và chỉnh sửa ngôn ngữ học thuật, các nội dung đề xuất đã được rà soát, đối chiếu với cơ sở lý thuyết, mục tiêu nghiên cứu đảm bảo tính rõ ràng, phù hợp với đối tượng khảo sát. Cụ thể, tập trung vào ba nhóm chính: 1) Nhận thức của giáo viên về Thuyết đa trí tuệ và mối quan hệ giữa Thuyết đa trí tuệ với dạy học tích cực; 2) Mức độ vận dụng các loại hình trí tuệ vào thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học tích cực trong môn Lịch sử và Địa lí; 3) Các hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động dạy học nhằm phát huy sự đa dạng về năng lực, sở trường và cách thức học tập của học sinh.

Mẫu khảo sát: Đối tượng khảo sát gồm 365 trong tổng số khoảng 1.700 giáo viên đang giảng dạy môn Lịch sử và Địa lí tại các trường trung học cơ sở công lập trên địa bàn khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh. Dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi trực tuyến trên nền tảng Google Forms theo đường link: <https://forms.gle/o22kx4QddUsPGNDG9> (trong thời gian một tuần từ ngày 18/01/2026). Bảng hỏi được thiết kế ngắn gọn, bám sát mục tiêu nghiên cứu, các phản hồi được rà soát trước khi thực hiện xử lý và phân tích dữ liệu nhằm loại bỏ những phiếu không đầy đủ, trùng lặp, không đúng đối tượng khảo sát giúp làm rõ định hướng nghiên cứu.

Công cụ: Nghiên cứu được xây dựng với các câu hỏi đóng gồm ba phần và 34 quan sát cụ thể: Về nhận thức của giáo viên về Thuyết đa trí tuệ và dạy học tích cực (07 quan sát); về mức độ vận dụng các loại hình trí tuệ vào hoạt động dạy học tích cực trong môn Lịch sử và Địa lí (17 quan sát); về các hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động dạy học tích

cực phát triển các năng lực trí tuệ của học sinh trong môn Lịch sử và Địa lí (10 quan sát).

Thang đo: Bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ (1 - Hoàn toàn không đồng ý; 2 - Không đồng ý; 3 - Phân vân; 4 - Đồng ý; 5 - Hoàn toàn đồng ý) và (1 - Không bao giờ; 2 - Hiếm khi; 3 - Thỉnh thoảng; 4 - Thường xuyên; 5 - Luôn luôn). Các biến trong nghiên cứu được xây dựng dựa trên cơ sở lý luận và kiểm chứng thông qua phân tích độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha = 0,966 cho thấy các biến trong thang đo đảm bảo độ tin cậy, phù hợp và có thể sử dụng để phân tích các nội dung góp phần đo lường được các khía cạnh khác nhau của vấn đề nghiên cứu.

Phân tích dữ liệu: Dữ liệu được xuất từ Google Forms và xử lý bằng phần mềm SPSS 27 thông qua sử dụng thống kê mô tả giá trị trung bình (Mean), độ lệch chuẩn (SD std. Deviation) và trung vị (Median) nhằm mô tả thực trạng và đề xuất các biện pháp phù hợp. Trong các nghiên cứu tiếp theo có thể phân tích sâu hơn về mối quan hệ hoặc sự khác biệt, tương quan giữa các nhóm giáo viên.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Nhận thức của giáo viên về Thuyết đa trí tuệ và dạy học tích cực

Dựa trên kết quả nghiên cứu cho thấy giáo viên khi được hỏi về những nhận định hiểu biết của Thuyết đa trí tuệ và dạy học tích cực đều có nhận thức khá tích cực, điểm trung bình của các nhận định trên đều được đánh giá ở mức khá cao đa phần ở mức “Đồng ý”, dao động từ 3.55 đến 4.00 trên thang điểm 5.00 cho thấy giáo viên đã được tiếp cận, hiểu rõ ý nghĩa và nội dung của Thuyết đa trí tuệ trong quá trình dạy học (xem Bảng 1).

Bảng 1: Kết quả khảo sát về nhận thức của giáo viên về Thuyết đa trí tuệ và dạy học tích cực

Tiêu chí	Nhận định	Trung bình	Trung vị	Độ lệch chuẩn
Tôi đã từng nghe và hiểu sơ lược về Thuyết đa trí tuệ của Howard Gardner.		3,55	4,00	0,984
Mỗi học sinh có nhiều loại trí thông minh khác nhau (ngôn ngữ, giao tiếp, âm nhạc, không gian,...).		4,00	4,00	0,942
Thuyết đa trí tuệ nhấn mạnh phong cách học tập cá nhân của từng học sinh.		3,87	4,00	0,899
Hiểu và vận dụng Thuyết đa trí tuệ sẽ giúp phát huy được năng lực, thế mạnh riêng của mỗi học sinh trong học tập.		3,93	4,00	0,924
Việc hiểu rõ Thuyết đa trí tuệ có thể hỗ trợ tôi áp dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực.		3,91	4,00	0,915

Tiêu chí	Nhận định	Trung bình	Trung vị	Độ lệch chuẩn
Thuyết đa trí tuệ rất phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục hiện nay.		3,87	4,00	0,937
Bản thân tôi có khả năng vận dụng kiến thức của Thuyết đa trí tuệ trong hoạt động dạy học.		3,73	4,00	0,903

Cụ thể, trong nhận định “Tôi đã từng nghe và hiểu sơ lược về Thuyết đa trí tuệ của Howard Gardner” ($M = 3.55$) thể hiện phần lớn giáo viên đã được tiếp cận đến khái niệm nhưng chủ yếu dừng lại ở khái niệm cơ bản. Trong đó, đối với nhận định “Bản thân tôi có khả năng vận dụng kiến thức của Thuyết đa trí tuệ trong hoạt động dạy học” ($M = 3.73$) cho thấy giáo viên có sự tin tưởng vào cơ sở lý thuyết nhưng mức độ tự tin vận dụng vào thực tế chưa được đánh giá cao, phản ánh rằng giáo viên có mong muốn và cố gắng được thực hiện vận dụng Thuyết đa trí tuệ vào dạy học nhưng cần thêm những điều kiện hỗ trợ về tài liệu, cơ sở vật chất,... Tiếp đó, đối với ý kiến “Thuyết đa trí tuệ nhấn mạnh phong cách học tập cá nhân của từng học sinh” và “Thuyết đa trí tuệ rất phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục hiện nay” ($M = 3.87$) được giáo viên đánh giá cao trong việc nhận thức được ý nghĩa, giá trị quan trọng gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn giáo dục phát huy thế mạnh riêng của từng học sinh.

Ngoài ra, “Việc hiểu rõ Thuyết đa trí tuệ có thể hỗ trợ tôi áp dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực” ($M = 3.91$) cho thấy, khi dạy học dựa trên quan điểm kiến tạo, giáo viên sẽ vận dụng Thuyết đa trí tuệ để tổ chức các hoạt động học giúp phát huy tính chủ động của học sinh thông qua áp dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực. Hơn hết, việc “Hiểu và vận dụng Thuyết đa trí tuệ sẽ giúp phát huy được năng lực, thế mạnh riêng của mỗi học sinh trong học tập” ($M = 3.93$) minh chứng rằng, giáo viên đóng vai trò quan trọng trong việc khai thác các tiềm năng và phát triển năng lực của học sinh, coi trọng phong cách học tập và sự đa dạng trí tuệ của học sinh.

Đặc biệt, đa số giáo viên cho rằng: “Mỗi học sinh có nhiều loại trí thông minh khác nhau (ngôn ngữ, giao tiếp, âm nhạc, không gian,...)” ($M = 4.00$), được đánh giá cao nhất, cho thấy giáo viên đã nhận thức rõ ràng mỗi học sinh có nhiều loại trí thông minh khác nhau, đây là cơ sở và nền tảng quan trọng để triển khai các phương pháp dạy học đa dạng, phù hợp với từng đối tượng học sinh.

Kết luận, đa số giáo viên dạy môn Lịch sử và Địa lý ở cấp Trung học cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có nhận thức tương đối tích cực về giá trị của Thuyết đa trí tuệ và vai trò của việc vận dụng trong thiết kế hoạt động học tập phù hợp, hiệu quả, bước đầu tiếp cận được các quan điểm dạy học hiện đại đáp ứng với định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. Tuy nhiên giáo viên vẫn gặp khó khăn khi chuyển hóa thành hành động cụ thể, khoảng cách giữa “biết” và “làm” là một vấn đề mang tính phổ biến trong bối cảnh giáo dục phổ thông Việt Nam hiện nay.

3.2. Thực trạng về mức độ vận dụng các loại hình trí tuệ vào hoạt động dạy học tích cực trong môn Lịch sử và Địa lý

Thông qua kết quả khảo sát cho thấy với từng nhận định về các loại trí tuệ dao động từ 3.39 đến 4.00 tương ứng với các mức độ từ “thỉnh thoảng” đến “thường xuyên” (xem Bảng 2).

Đầu tiên, đối với “Trí tuệ ngôn ngữ” việc “cho học sinh viết đoạn văn, bài thuyết minh, nhật ký học tập về nội dung bài học trong môn Lịch sử và Địa lý” ($M = 3.39$) được giáo viên đánh giá ở mức khá thấp và vẫn chưa được áp dụng nhiều trong dạy học. Ngược lại, “cho học sinh diễn đạt, trình bày lại các sự kiện lịch sử và hiện tượng địa lý bằng lời theo suy nghĩ của học sinh” ($M = 3.73$) lại được đánh giá cao hơn cho thấy giáo viên ưu tiên cho học sinh trình bày, diễn đạt, lập luận bằng lời các nội dung trong môn Lịch sử và Địa lý, điều này giúp phát huy hiệu quả năng lực trí tuệ ngôn ngữ ở học sinh.

Tiếp theo, về “Trí tuệ giao tiếp” việc “tổ chức cho học sinh được tham gia thảo luận, tranh luận, trao đổi ý kiến về các nội dung trong môn Lịch sử và Địa lý” ($M = 3.83$) và “tạo điều kiện cho học sinh làm việc nhóm, hợp tác để thực hiện các nhiệm vụ trong bài học” ($M = 3.92$) sẽ giúp học sinh nhận diện và tương tác với đối tượng giao tiếp nhằm phát triển trí tuệ giao tiếp và năng lực giao tiếp, hợp tác của học sinh.

Tương tự, trong việc phát huy “Trí tuệ logic - Toán học”, các giáo viên thường xuyên cho học sinh “sử dụng các công cụ có ứng dụng công nghệ thông

Bảng 2: Mức độ vận dụng các loại hình trí tuệ vào hoạt động dạy học tích cực trong môn Lịch sử và Địa lí

Tiêu chí		Nhận định	Trung bình	Trung vị	Độ lệch chuẩn
Trí tuệ ngôn ngữ (Năng lực ngôn ngữ)	Thầy/Cô cho học sinh viết đoạn văn, bài thuyết minh, nhật kí học tập về nội dung bài học trong môn Lịch sử và Địa lí.		3,39	3,00	0,810
	Thầy/Cô cho học sinh diễn đạt, trình bày lại các sự kiện lịch sử và hiện tượng địa lí bằng lời theo suy nghĩ của học sinh.		3,73	4,00	0,762
Trí tuệ giao tiếp (Năng lực giao tiếp và hợp tác)	Thầy/ Cô tổ chức cho học sinh được tham gia thảo luận, tranh luận, trao đổi ý kiến về các nội dung trong môn Lịch sử và Địa lí.		3,83	4,00	0,778
	Thầy/Cô tạo điều kiện cho học sinh làm việc nhóm, hợp tác để thực hiện các nhiệm vụ trong bài học.		3,92	4,00	0,766
Trí tuệ Logic – Toán học (Năng lực toán học; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực tin học)	Thầy/Cô yêu cầu học sinh phân tích, so sánh, khái quát và tổng hợp về các nội dung kiến thức trong môn Lịch sử và Địa lí.		3,84	4,00	0,760
	Thầy/Cô sử dụng bài tập có tình huống gắn với thực tiễn để học sinh suy luận và vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề.		3,83	4,00	0,784
	Thầy/Cô cho học sinh sử dụng các công cụ có ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nhiệm vụ học tập.		3,80	4,00	0,806
Trí tuệ không gian (Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mĩ)	Thầy/ Cô thường xuyên cho học sinh khai thác bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video,... để giải thích kiến thức có trong bài học Lịch sử và Địa lí.		4,00	4,00	0,779
	Thầy/ Cô cho học sinh vẽ sơ đồ tư duy, mô hình, tiến trình để khái quát hóa nội dung kiến thức trong môn Lịch sử và Địa lí.		3,84	4,00	0,776
Trí tuệ vận động (Năng lực thể chất)	Thầy/Cô tổ chức cho học sinh tham gia đóng vai các nhân vật lịch sử, mô phỏng, tái hiện tình huống trong quá trình dạy học.		3,55	4,00	0,836
	Thầy cô thiết kế hoạt động trò chơi học tập cho học sinh di chuyển, vận động, tương tác trực tiếp.		3,67	4,00	0,790
Trí tuệ âm nhạc (Năng lực thẩm mĩ)	Thầy/Cô sử dụng các bài hát/giai điệu liên quan đến nội dung Lịch sử và Địa lí để mô tả, gợi mở các nội dung bài học cho học sinh.		3,66	4,00	0,773
	Thầy/Cô khuyến khích cho học sinh sáng tác hoặc biểu diễn ngắn các bài hát giúp phát huy năng khiếu cảm thụ âm nhạc thông qua nội dung bài học.		3,42	3,00	0,942
Trí tuệ nội tâm (Năng lực tự chủ và tự học)	Thầy/Cô tạo điều kiện, cơ hội cho học sinh tự đánh giá kết quả học tập của bản thân.		3,75	4,00	0,820
	Thầy/Cô khuyến khích học sinh liên hệ kiến thức bài học với suy nghĩ của bản thân để viết bài cảm nhận sau mỗi bài học.		3,65	4,00	0,841
Trí tuệ tự nhiên học (Năng lực khoa học)	Thầy/Cô tổ chức cho học sinh quan sát, tìm hiểu, tham quan thực tế các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội.		3,52	4,00	0,924
	Thầy/Cô hướng dẫn học sinh liên hệ kiến thức Lịch sử và Địa lí với các vấn đề thực tiễn của địa phương, trong nước và quốc tế.		3,80	4,00	0,816

tin để thực hiện nhiệm vụ học tập” (M = 3.80) và “sử dụng bài tập có tình huống gắn với thực tiễn để học sinh suy luận và vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề” (M = 3.83). Cụ thể, với mục đích “yêu cầu học sinh phân tích, so sánh, khái quát và tổng hợp về các nội dung kiến thức trong môn Lịch sử và Địa lí” (M = 3.84), cho thấy giáo viên đã chú trọng phát triển các dạng trí tuệ tư duy logic, phân tích, suy luận và

ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập để giải quyết vấn đề có trong thực tiễn.

Nổi bật nhất với “Trí tuệ không gian” giáo viên “thường xuyên cho học sinh khai thác bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video,... để giải thích kiến thức có trong bài học Lịch sử và Địa lí” ($M = 4.00$). Ngoài ra, còn khuyến khích “cho học sinh vẽ sơ đồ tư duy, mô hình, tiến trình để khái quát hóa nội dung kiến thức trong môn Lịch sử và Địa lí” ($M = 3.84$), cho thấy giáo viên đã nhận thức và áp dụng tương đối thường xuyên các nội dung trên trong dạy học Lịch sử và Địa lí để phát huy sự tưởng tượng và khả năng thiết kế, sáng tạo của học sinh.

Bên cạnh đó, việc “Tổ chức cho học sinh tham gia đóng vai các nhân vật lịch sử, mô phỏng, tái hiện tình huống trong quá trình dạy học” ($M = 3.55$) và “thiết kế các hoạt động trò chơi học tập cho học sinh di chuyển, vận động, tương tác trực tiếp” ($M = 3.67$) học sinh sẽ được trải nghiệm nhập vai thông qua hình thức sân khấu hóa để biểu đạt, diễn tả một sự vật, hiện tượng hoặc tiến hành giải quyết các vấn đề giúp ghi nhớ kiến thức sâu hơn phát huy “Trí tuệ vận động” cho học sinh.

Mặt khác, việc “Khuyến khích cho học sinh sáng tác hoặc biểu diễn ngắn các bài hát giúp phát huy năng khiếu cảm thụ âm nhạc thông qua nội dung bài học” ($M = 3.42$) và “sử dụng các bài hát/giai điệu liên quan đến nội dung Lịch sử và Địa lí để mô tả, gợi mở các nội dung bài học cho học sinh” ($M = 3.66$) được đánh giá khá tích cực, điều này chứng minh rằng học sinh tiếp thu kiến thức bằng năng lực cảm thụ nhạy bén và thể hiện được năng khiếu “Trí tuệ âm nhạc” trong quá trình học tập.

Đặc biệt, với “Trí tuệ nội tâm” học sinh được giáo

viên “tạo điều kiện, cơ hội cho học sinh tự đánh giá kết quả học tập của bản thân” ($M = 3.75$) và “được liên hệ kiến thức bài học với suy nghĩ của bản thân để viết bài cảm nhận sau mỗi bài học” ($M = 3.65$), cho thấy khả năng tự nhận thức, suy nghĩ của học sinh là loại trí tuệ quan trọng trong việc hình thành các năng lực tự chủ và tự học.

Cuối cùng, đối với “Trí tuệ tự nhiên học” giáo viên “tổ chức cho học sinh quan sát, tìm hiểu, tham quan thực tế các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội” ($M = 3.52$) và “Cho học sinh liên hệ kiến thức Lịch sử và Địa lí với các vấn đề thực tiễn của địa phương, trong nước và quốc tế” ($M = 3.80$), học sinh sẽ có khả năng phân tích, đánh giá, hệ thống hóa kiến thức một cách khoa học và kết nối kiến thức với đời sống trong tự nhiên và xã hội.

3.3. Các hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động dạy học tích cực phát triển các năng lực trí tuệ của học sinh trong môn Lịch sử và Địa lí

Dựa vào kết quả khảo sát (Bảng 3), với những nhận định của đa số các giáo viên về các phương pháp và hình thức khi vận dụng Thuyết đa trí tuệ để tổ chức các hoạt động dạy học tích cực phát triển các năng lực trí tuệ của học sinh trong môn Lịch sử và Địa lí với mức trung bình từ 3.47 đến 3.99 tương ứng với mức độ từ “Thỉnh thoảng” đến “Thường xuyên”. Điều này phản ánh sự tiếp cận và chuyển đổi rõ rệt các phương thức tổ chức các hoạt động học tích cực trong quá trình dạy học của giáo viên và học sinh.

Đáng chú ý, việc “Tổ chức các hoạt động ngoại khóa liên quan đến các chủ đề bài học của môn Lịch sử và Địa lí để học sinh tìm hiểu và tham gia nhằm phát triển trí tuệ tự nhiên của học sinh” vẫn đang được đánh giá thấp ($M = 3.47$) phản ánh việc gắn

Bảng 3: Các hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động dạy học tích cực phát triển các năng lực trí tuệ của học sinh trong môn Lịch sử và Địa lí

Tiêu chí	Nhận định	Trung bình	Trung vị	Độ lệch chuẩn
Thầy/Cô thường tổ chức cho học sinh thuyết trình nội dung bài học để khái quát kiến thức nhằm phát triển năng lực trí tuệ ngôn ngữ trong dạy học Lịch sử và Địa lí.		3,76	4,00	0,750
Thầy/Cô thường tổ chức cho học sinh thực hiện thảo luận theo nhóm để giải quyết nhiệm vụ học tập nhằm phát triển trí tuệ giao tiếp trong môn Lịch sử và Địa lí.		3,93	4,00	0,717
Thầy/Cô thường đặt các câu hỏi gợi mở để học sinh suy nghĩ, tự phân tích và trả lời một cách logic về hiện tượng Lịch sử và Địa lí.		3,96	4,00	0,720
Thầy/Cô thường sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học trực quan để phát triển trí thông minh không gian cho học sinh.		3,99	4,00	0,732

Tiêu chí	Nhận định	Trung bình	Trung vị	Độ lệch chuẩn
Thầy/Cô thường đưa ra các vấn đề thực tế liên quan đến nội dung bài học để học sinh vận dụng kiến thức, trí thông minh ngôn ngữ giải quyết vấn đề.		3,91	4,00	0,695
Thầy/Cô thường tổ chức các dự án học tập nhỏ để phát huy trí thông minh giao tiếp và nội tâm của học sinh trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí.		3,63	4,00	0,814
Thầy/Cô thường vận dụng phương pháp dạy học đóng vai, mô phỏng tình huống để phát huy trí thông minh vận động, ngôn ngữ và âm nhạc trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí.		3,61	4,00	0,830
Thầy/Cô thường sử dụng các công cụ công nghệ thông tin hỗ trợ cho học sinh khám phá, tìm kiếm các nội dung về Lịch sử và Địa lí để phát triển trí tuệ logic-toán học.		3,87	4,00	0,718
Thầy/Cô thường thiết kế các hoạt động trò chơi học tập phát triển trí tuệ tư duy vận động cho học sinh trong môn Lịch sử và Địa lí.		3,82	4,00	0,750
Thầy/Cô thường tổ chức các hoạt động ngoại khóa liên quan đến các chủ đề bài học của môn Lịch sử và Địa lí để học sinh tìm hiểu và tham gia nhằm phát triển trí tuệ tự nhiên của học sinh.		3,47	4,00	0,933

kết kiến thức Lịch sử và Địa lí với trải nghiệm thực tế chưa được chú trọng nhằm phát huy toàn bộ các cơ hội để học sinh vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Tiếp theo, giáo viên “thường vận dụng phương pháp dạy học đóng vai, mô phỏng tình huống để phát huy trí thông minh vận động, ngôn ngữ và âm nhạc của học sinh trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí” với tần suất khá cao ($M = 3.61$). Song song đó, việc “tổ chức các dự án học tập nhỏ để phát huy trí thông minh giao tiếp và nội tâm của học sinh trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí” ($M = 3.63$) đã được quan tâm và thường xuyên áp dụng vào quá trình tổ chức các hoạt động học điều này minh chứng cho quan điểm giáo dục lấy học sinh làm trung tâm phát huy hiệu quả mục tiêu dạy học.

Tương tự, việc “Tổ chức cho học sinh thuyết trình nội dung bài học để khái quát kiến thức nhằm phát triển năng lực trí tuệ ngôn ngữ trong dạy học Lịch sử và Địa lí” ($M = 3.76$) cũng được giáo viên đồng tình và thường xuyên lồng ghép trong dạy học giúp học sinh rèn luyện năng lực ngôn ngữ, khả năng khái quát hóa kiến thức và phát triển tư duy phản biện. Trong đó, “thiết kế các hoạt động trò chơi học tập phát triển trí tuệ tư duy vận động cho học sinh trong môn Lịch sử và Địa lí” ($M = 3.82$) rất được quan tâm điều này không chỉ tạo ra môi trường học tập tích cực mà còn kích thích sự hứng thú của học sinh trong việc tiếp thu kiến thức và hình thành các kỹ năng, năng lực cần thiết. Ngoài ra, “thường sử dụng các công cụ công nghệ thông tin hỗ trợ cho học sinh khám phá, tìm

kiếm các nội dung về Lịch sử và Địa lí để phát triển trí tuệ logic-toán học” ($M = 3.87$) và thường “đưa ra các vấn đề thực tế liên quan đến nội dung bài học để học sinh vận dụng kiến thức, trí thông minh ngôn ngữ giải quyết vấn đề” ($M = 3.91$), cho thấy giáo viên đã tích hợp “năng lực số” và “năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo” giúp phát triển từng trí tuệ phù hợp với từng năng lực của học sinh nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong học tập.

Hơn hết, các giáo viên cũng thường xuyên “tổ chức cho học sinh thực hiện thảo luận theo nhóm để giải quyết nhiệm vụ học tập nhằm phát triển trí tuệ giao tiếp trong môn Lịch sử và Địa lí” ($M = 3.93$). Nổi bật nhất là giáo viên thường xuyên “đặt các câu hỏi gợi mở để học sinh suy nghĩ, tự phân tích và trả lời một cách logic về hiện tượng Lịch sử và Địa lí” ($M = 3.96$). Đặc biệt trong quá trình tổ chức các hoạt động học các giáo viên “Thường sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học trực quan để phát triển trí thông minh không gian cho học sinh” ($M = 3.99$), chứng minh rằng, giáo viên chú trọng phát triển ở học sinh trí tuệ giao tiếp, trí tuệ nội tâm và trí tuệ không gian thông qua những phương pháp dạy học tích cực rèn luyện những kỹ năng và năng lực tư duy, phân tích, sáng tạo phù hợp với mục tiêu của chương trình giáo dục hiện nay.

Tóm lại, kết quả trên cho thấy, đa số các giáo viên đã thường xuyên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực (đóng vai, thuyết trình, trò chơi học tập,...) để phát triển toàn diện các dạng trí tuệ ở học sinh

và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển năng lực số cho học sinh trong dạy học hiện nay. Tuy nhiên, các hoạt động học tập trải nghiệm, ngoài lớp học và ngoại khóa trong môn Lịch sử và Địa lí vẫn chưa được triển khai phổ biến, chủ yếu ở mức độ lồng ghép.

3.4. Một số định hướng vận dụng Thuyết đa trí tuệ trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí

Từ kết quả khảo sát, nghiên cứu đề xuất một số định hướng nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng Thuyết đa trí tuệ trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí cụ thể:

Thứ nhất, cần bồi dưỡng năng lực thiết kế hoạt động học tập và các hình thức dạy học đã được giáo viên sử dụng thường xuyên, phù hợp như khai thác bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video, làm việc nhóm... gắn với từng loại hình trí tuệ của môn Lịch sử và Địa lí.

Thứ hai, cần ưu tiên xây dựng nguồn học liệu số và hoạt động học tập như viết đoạn văn, bài thuyết minh, nhật kí học tập,... được hỗ trợ thông qua hệ thống học liệu mở, phiếu học tập, tư liệu lịch sử, bản đồ, hình ảnh, tình huống thực tiễn và tiêu chí đánh giá sản phẩm. Trên cơ sở đó, việc kiểm tra, đánh giá cần được điều chỉnh dưới nhiều hình thức như thuyết trình, sơ đồ tư duy, sản phẩm học tập, sân khấu hóa và hồ sơ học tập của học sinh.

Thứ ba, nhà trường cần tạo điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh để triển khai các mô hình dạy học linh hoạt, tăng cường ứng dụng công nghệ, học liệu số và các hình thức học tập trải nghiệm để giáo viên vận dụng Thuyết đa trí tuệ một cách khả thi và hiệu quả trong thực tiễn dạy học.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã cung cấp minh chứng có giá trị tham khảo về thực trạng vận dụng Thuyết đa trí tuệ trong thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học tích cực môn Lịch sử và Địa lí ở cấp Trung học cơ sở tại khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát cho thấy, giáo viên có nhận thức tích cực và bước đầu đã vận dụng nhiều hình thức dạy học phù hợp. Tuy nhiên, mức độ vận dụng giữa các loại hình trí tuệ còn chưa đồng đều, nhất là các hoạt động viết nhật kí học tập, sáng tác hoặc biểu diễn âm nhạc, đóng vai, mô phỏng tình huống, quan sát và tham quan thực tế. Từ đó, nghiên cứu đề xuất tăng cường bồi dưỡng giáo viên, xây dựng học liệu đa dạng, đổi mới kiểm tra đánh giá và phát huy vai trò hỗ trợ của nhà trường, tổ chuyên môn. Trong các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng phạm vi khảo sát và kết hợp thêm phỏng vấn sâu, quan sát lớp học hoặc nghiên cứu trường hợp để đánh giá toàn diện hơn hiệu quả vận dụng Thuyết đa trí tuệ trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí.

Tài liệu tham khảo

- Armstrong, T. (2011). *Đa trí tuệ trong lớp học* (L. Q. Long, dịch). NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Chương trình Giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí (cấp trung học cơ sở)* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018).
- Dolati, Z. & Tahriri, A. (2017). EFL teachers' multiple intelligences and their classroom practice. *SAGE Open*, 7(3). <https://doi.org/10.1177/2158244017722582>
- Gardner, H. (1983). *Frames of mind: The theory of multiple intelligences*. Basic Books.
- Hoàng Văn Trang. (2022). Áp dụng Thuyết đa trí tuệ của Howard Gardner trong giảng dạy. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (259), tr.78-80.
- Lê Thị Dung & Nguyễn Thị Thế Bình. (2025). Vận dụng Thuyết đa trí tuệ nhằm phát triển năng lực nhận thức và tư duy cho học sinh trong dạy học các chủ đề tích hợp môn Lịch sử và Địa lí ở trường trung học cơ sở. *Tạp chí Giáo dục*, 25(5), tr.30-35.
- Malapad, L. P. & Quymbo, M. A. T. (2021). Designing an instructional module for classroom teaching based on the multiple intelligences theory. *Philippine Social Science Journal*, 4(3), pp.9-18.
- Nguyễn Trung Thanh. (2024). Vận dụng Thuyết đa trí tuệ trong dạy học môn Toán tiểu học nhằm phát triển năng lực học sinh. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 20(3), tr.39-45. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Thu Anh. (2017). Vận dụng Thuyết đa trí tuệ để tổ chức dạy học phân hóa môn Địa lí ở trường trung học phổ thông. *HNUE Journal of Science: Educational Sciences*, 62(9), tr.130-137. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2017-0158>.
- Yalmanci, S. G. & Gozum, A. C. (2013). The effects of multiple intelligence theory-based teaching on students' achievement and retention of knowledge (Example of the enzymes subject). *International Journal on New Trends in Education and Their Implications*, 4(3), tr.27-36.